TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST Ngày: 02/3/2022 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu,

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 472/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1982;

Cư trú: Ấp C, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Công D, sinh năm 1975;

Cư trú: Tổ 04, ấp K2, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D tự quen biết và được cha mẹ đồng ý nên đi đến hôn nhân, làm đám cưới năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố X năm 2004. Sau khi cưới thì vợ chồng đi làm công nhân, ở nhà thuê, thời gian đầu sống rất hạnh phúc. Đến tháng 03 năm 2021, bà phát hiện ông D có người phụ nữ khác, bà không đồng ý thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và không còn tin tưởng nhau nữa. Từ đó, gia đình không hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống được nữa. Bà N yêu cầu được ly hôn ông D.

Về con chung: Bà N xác định bà và ông D có 02 con chung là cháu Huỳnh Anh Th1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2005 và cháu Huỳnh Gia H1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012, hiện hai cháu đều sống chung với bà N. Sau khi ly hôn con muốn sống chung với ai thì giao con cho người đó nuôi. Người không nuôi con không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông D đều không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Công D trình bày: Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến. Ông D vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: (1) Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc với nhau đến một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông D, bà N nhưng ông D vẫn vắng mặt, không có ý kiến trình bày, bà N vẫn cương quyết ly hôn, xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông D, bà N đã đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. (2) Về con chung: Bà N và ông D

có 02 con chung là cháu Huỳnh Anh Th1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2005 và cháu Huỳnh Gia H1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012; bà N yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Nhận thấy, con chung hiện đang được bà N nuôi dưỡng, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà N, do đó nhằm đảm bảo ổn định về mặt tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề xuất giao con chung cho bà N chăm sóc nuôi dưỡng. (3) Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên ông D không phải cấp dưỡng cho các cháu. (4) Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Huỳnh Công D kết hôn có đăng ký kết hôn; bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông D là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà N và ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố X. Bà N cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc ông D có người phụ nữ khác, bà không đồng ý thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và không còn tin tưởng nhau nữa. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, vun đắp cho gia đình. Nhưng bà N vì những lý do mâu thuẫn đã nêu mà kiên quyết xin ly hôn. Về phía ông D, quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông D không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, bà N và ông D đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2021. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà N và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà N xác định bà và ông D có 02 con chung là cháu Huỳnh Anh Th1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2005 và cháu Huỳnh Gia H1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012. Bà N có yêu cầu sau khi ly hôn, thì việc giải quyết người trực tiếp nuôi con sẽ theo nguyện vọng của các cháu, người không nuôi con thì không phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy: Ông D không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ về con chung và vấn đề cấp dưỡng cho con. Hiện nay các cháu Th1, H1 đều không sinh sống cùng ông D mà do bà N nuôi dưỡng. Các cháu đều thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ (bà N). Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về vấn đề con chung, nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía ông D cũng không cung cấp ý kiến hoặc tài liệu chứng cứ về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn ông Huỳnh Công D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Huỳnh Công D có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Anh Th1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2005 và cháu Huỳnh Gia H1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012.

Bà Nguyễn Thị Kiều N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục các cháu Huỳnh Anh Th1, Huỳnh Gia H1. Bà Nguyễn Thị Kiều N và thành viên gia đình không được cản trở ông Huỳnh Công D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Huỳnh Anh Th1, Huỳnh Gia H1.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Huỳnh Công D không phải cấp dưỡng cho các cháu Huỳnh Anh Th1, Huỳnh Gia H1.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000680 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. M, tp. X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Hường **Nguyễn Tấn Hậu** **Nguyễn Thùy Giang**